

Số: /BC-STNMT

Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023

Thực hiện Công văn 7222/BTNMT-VP ngày 29/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 của ngành tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường như sau:

I. KHAI QUÁT CHUNG

1. Tổ chức bộ máy và biên chế:

- Cơ cấu tổ chức bộ máy: Lãnh đạo Sở (Giám đốc, 04 Phó Giám đốc); 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ (*Văn phòng Sở; Phòng Đất đai, đo đạc và bản đồ; Phòng Khoáng sản, tài nguyên nước; Phòng Môi trường và biến đổi khí hậu; Thanh tra Sở*); 03 đơn vị sự nghiệp (*Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên; Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh tại 07 huyện*).

- Biên chế:

+ Biên chế được giao năm 2022: Tổng số 123 người, trong đó công chức 40 người, viên chức 80 người, hợp đồng theo Nghị định 68 là 03 lao động;

+ Biên chế có mặt: 115 người, trong đó: Công chức 36; viên chức 77 người; 02 lao động hợp đồng theo Nghị định 68.

- Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị: Cao cấp 19 người đạt 16,5%; Trung cấp 59 người đạt 51,3%; sơ cấp cấp 01 người đạt 0,86%; thạc sỹ 30 người, đạt 26,19%; đại học 80 người, đạt 69,5%; cao đẳng 01 người, chiếm 0,86%; trung cấp 01 người chiếm 0,86%; nhân viên kỹ thuật 01 chiếm 0,86%, lái xe 02 người, chiếm 1,73%.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Thường xuyên được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành được đào tạo có trình độ, năng động nhiệt tình, tâm huyết, có tinh thần đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường ngày càng hoàn thiện, bộ máy của ngành được củng cố, kiện toàn theo từng lĩnh vực ở các cấp.

- Sự phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố ngày càng chặt chẽ nên công tác quản lý tài nguyên môi trường được tăng cường, tình trạng vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên môi trường có xu hướng giảm.

2.2. Khó khăn

- Địa bàn quản lý rộng; nhận thức về các quy định của pháp luật về tài nguyên môi trường của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, đặc biệt là đất đai, các chế độ chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Ngành tài nguyên và môi trường là ngành có nhiều lĩnh vực, liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân và doanh nghiệp trong khi đó đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường còn thiếu về số lượng, hạn chế về kinh nghiệm, nhất là tại cấp xã. Việc thực hiện nhiệm vụ một số lĩnh vực về tài nguyên và môi trường còn chưa chủ động, chất lượng chưa cao (ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học).

- Các văn bản trong lĩnh vực quản lý đất đai của Trung ương thường xuyên có sự thay đổi, một số văn bản hướng dẫn còn chậm được ban hành, chưa thống nhất, còn chồng chéo tạo ra không ít khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Nguồn lực đầu tư cho ngành để thực hiện các dự án về tài nguyên môi trường còn hạn chế; cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường còn chưa đầy đủ, còn thấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện và phổ biến văn bản, chính sách, pháp luật

- *Xây dựng văn bản:* Tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành 03 Nghị quyết chấp thuận bổ sung danh mục các công trình dự án phải thu hồi đất, chuyên mục đích sử dụng đất, phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh⁽¹⁾; trình UBND tỉnh ban hành 05 VBQPPL⁽²⁾; 02 Kế hoạch để thực hiện⁽³⁾. Sở đã ban hành

⁽¹⁾ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2022; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022.

⁽²⁾ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022; số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07/10/2022; số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022; Báo cáo số 1751/BC-STNMT ngày 09/8/2022; Tờ trình số 763/TTr-STNMT ngày 14/4/2022.

⁽³⁾; Kế hoạch số 1000/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số

05 Kế hoạch để tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành⁽⁴⁾. Tham gia hội thảo và đóng góp ý kiến về sửa đổi Luật Đất đai 2013; Luật Tài nguyên nước 2012, các văn bản dự thảo của các Bộ, Ngành ...

- *Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật*: Kịp thời triển khai các văn bản của các cấp, các ngành, UBND tỉnh⁽⁵⁾. Tiếp tục tuyên truyền phổ biến quán triệt nội dung các luật, pháp lệnh mới được ban hành trong năm 2022. Công tác PBGDPL được quan tâm thực hiện thường xuyên, đồng bộ, thiết thực, bằng nhiều hình thức khác nhau như qua hệ thống hồ sơ công việc, các cuộc họp giao ban, zalo, fb... và phù hợp với từng đối tượng, nên 100% công chức, viên chức, người lao động trong Sở được tiếp cận, tìm hiểu và nâng cao hiểu biết về pháp luật.

2. Công tác tổ chức cán bộ

Thực hiện Quyết định phân bổ biên chế công chức của UBND tỉnh (số 1783/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 20/4/2022) Sở đã Ban hành 02 Quyết định⁽⁶⁾ quy định số người làm việc đối với các phòng, đơn vị thuộc Sở năm 2022; Ban hành 02 Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác công chức, viên chức năm 2022⁽⁷⁾. Ban hành Kế hoạch đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động năm 2022; Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nghề, vượt khung cho 58 công chức viên chức. Tiếp nhận công tác đối với 01 công chức (do tỉnh tuyển dụng), 01 viên chức; điều động đối với 01 công chức, 11 viên chức; biệt phái đối với 02 viên chức; điều động bổ nhiệm, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 2 công chức, 3 viên chức; đề bạt bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Sở.

Cử 17 công chức chức và đăng ký 04 lượt viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (*Trong đó: Cử 02 công chức tham gia lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính, ngạch chuyên viên 01 công chức, 02 công chức học Cao cấp lý luận chính trị, văn hóa công vụ 06 công chức, Kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp*

333/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch Quan trắc môi trường tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.

⁽⁴⁾Kế hoạch số 83/KH-STNMT ngày 12/01/2022 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Kế hoạch số 123/KH-STNMT ngày 17/01/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; Kế hoạch 192/KH-STNMT ngày 24/1/2022 rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch số 314/KH-STNMT ngày 16/2/2022 kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 190/KH-STNMT ngày 24/1/2022 tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2022.

⁽⁵⁾ Tại các Văn bản: số 20/KH-STNMT ngày 05/01/2022; số 212/KH-STNMT ngày 24/01/2022; số 238/KH-STNMT ngày 27/01/2022; số 277/KH-STNMT ngày 10/02/2022; số 373/KH-STNMT ngày 24/02/2022.

phòng 03 lượt công chức; 04 công chức, viên chức đối tượng 4 đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh năm 2022, 03 viên chức tự túc học sau đại học). Mở 01 lớp đào tạo quản lý, khai thác và vận hành cơ sở dữ liệu quản lý đất đai cho 25 lượt công chức, viên chức trên địa bàn huyện Than Uyên.

3. Công tác cải cách hành chính

Kịp thời ban hành Kế hoạch đẩy mạnh cải cách hành chính và Kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2022 của Sở đồng thời thường xuyên quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác cải cách hành chính, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các chương trình, kế hoạch của Chính phủ và của UBND tỉnh ban hành. Tập trung cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, thống nhất và công khai, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện các quyền theo luật định, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, Ngành và các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố TTHC, Tập thể lãnh đạo đã tham mưu UBND tỉnh công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện, thành phố và UBND cấp xã. Tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được cắt giảm 35% thời gian giải quyết so với thời gian quy định giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố. Tính đến thời điểm hiện nay, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện; 99,89 % hồ sơ thủ tục hành chính được trả kết quả trước hạn hoặc đúng hạn theo quy định.

Trong năm 2022, Ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu đã tiếp nhận 18.820 hồ sơ (đất đai 18.660 hồ sơ, khoáng sản 23 hồ sơ, tài nguyên nước 35 hồ sơ, môi trường 52 hồ sơ) trong đó: cấp tỉnh tiếp nhận 13.421 hồ sơ (đất đai 13.316 hồ sơ, khoáng sản 23 hồ sơ, tài nguyên nước 35 hồ sơ, môi trường 47 hồ sơ); đã giải quyết xong 13.052 hồ sơ, đang giải quyết 369 hồ sơ trong hạn, trong đó có 13.044 hồ sơ giải quyết xong trước hạn hoặc đúng hạn (đất đai 12.942 hồ sơ, khoáng sản 22 hồ sơ, tài nguyên nước 34 hồ sơ, môi trường, biến đổi khí hậu 46 hồ sơ), quá hạn 8 hồ sơ. Sau khi xảy ra tình trạng chậm trả kết quả thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn huyện Sìn Hồ, Giám đốc Sở có buổi làm việc với lãnh đạo UBND huyện Sìn Hồ để trao đổi khó khăn, vướng mắc tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục đảm bảo công tác giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian theo quy định; cấp huyện tiếp nhận 5.399 hồ sơ (đất đai 5.397 hồ sơ, môi trường 06 hồ sơ) các hồ sơ đều được giải quyết xong trước hạn hoặc đúng hạn.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân, tiếp nhận thông tin đường dây nóng

a) Thanh tra, kiểm tra

Chỉ đạo thực hiện hoàn thành 100% cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch với 03 cuộc thanh tra đối với 08 tổ, 01 cuộc kiểm tra đối với 01 tổ chức. Ngoài ra theo yêu cầu quản lý, thẩm định hồ sơ, xử lý đơn và thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, thông báo kết luận kiểm toán, đã thực hiện kiểm tra đột xuất 14 cuộc đối với các tổ chức có liên quan đến các lĩnh vực của ngành trên địa bàn tỉnh. Qua công tác thanh tra, đã kịp thời phát hiện và xử lý 70 hành vi vi phạm về tài nguyên môi trường đối với 37 vụ việc; tổng số tiền là 1.763,735 triệu đồng và phạt cảnh cáo 10 hành vi (*đã đơn đốc thu được 1.032.889.095 đồng, còn lại 730.846.492 đồng của 08 Quyết định xử phạt*). Các hành vi vi phạm về các lĩnh vực gồm: đất đai 36 hành vi, môi trường 18 hành vi, khoáng sản 15 hành vi, tài nguyên nước 01 hành vi. Cấp huyện ban hành 65 Quyết định xử phạt đối với 59 hộ gia đình cá nhân với số tiền 823,8 triệu đồng. Các tổ chức, cá nhân được kiểm tra đã có ý thức chấp hành quy định của pháp luật về các lĩnh vực của ngành, kịp thời khắc phục các nội dung đã nêu trong kết luận kiểm tra.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả phối hợp trong thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh và làm việc với UBND các huyện, thành phố về các nội dung vướng mắc, các nội dung vướng mắc về đất đai theo Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập tổ công tác liên ngành hỗ trợ giải phóng mặt bằng và các vướng mắc về đất đai đối với các dự án ngoài ngân sách với UBND các huyện, thành phố.

b) Công tác tiếp dân: Thực hiện tốt Quy chế, nội quy tiếp công dân; hướng dẫn, trả lời cho công dân hiểu, tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và nghiêm chỉnh chấp hành quy định của pháp luật; trong năm 2022 đã tiếp 08 lượt công dân (*giảm 08 lượt so với năm 2021*) bằng 10 người tại Địa điểm tiếp công dân của Sở; nội dung dân phản ánh, kiến nghị chủ yếu về lĩnh vực đất đai.

c) Về tiếp nhận và xử lý thông tin: Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Sở đã công bố địa chỉ thông tin đường dây nóng và địa chỉ thư điện tử để tiếp nhận các thông tin kiến nghị, phản ánh về các lĩnh vực của ngành trên địa bàn tỉnh; trong kỳ báo cáo năm 2022 đã tiếp nhận và xử lý 11 (*giảm 06 thông tin so với năm 2021*) thông tin phản ánh, các thông tin chủ yếu có liên quan đến lĩnh vực đất đai, môi trường và khoáng sản.

d) Công tác tiếp nhận đơn thư, khiếu nại, giải quyết tranh chấp: Tiếp nhận 48 đơn của công dân (*tăng 11 đơn so với năm 2021*) gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường; trong 48 đơn đã tiếp nhận và xử lý có 01 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết; 01 đơn tố cáo (*không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở*), còn lại là 46 đơn kiến nghị, phản ánh (trong 46 đơn kiến nghị phản ánh có 19 đơn thuộc thẩm quyền của Sở đã được trả lời cho công dân; 27 đơn không thuộc thẩm quyền đã chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết); cấp huyện tiếp nhận 60 đơn kiến nghị, phản ánh (xử lý, trả lời 47 đơn; 13 đơn chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết).

5. Công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- *Phòng, chống tham nhũng*: Tiếp tục quán triệt nội dung Công văn số 34-CV/ĐUK ngày 26/11/2021 của Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh về triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đến đảng viên, quần chúng trong Đảng bộ. Đánh giá, tổng kết công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng năm 2021; thực hiện bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng lãng phí, tiêu cực năm 2021; xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022. Thực hiện Kế hoạch số 1136/KH-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021; tham mưu báo cáo phục vụ đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2021 (Báo cáo số 933/BC-STNMT ngày 11/5/2022); Thực hiện quy định về chế độ báo cáo công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp. Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường không phát hiện trường hợp tham nhũng phải xử lý.

- *Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*: Ban hành và triển khai thực hiện Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của Sở; báo cáo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021; năm 2022, đã chỉ đạo thực hiện tiết kiệm 10% với số tiền 325 triệu đồng; đăng ký mua sắm tập trung với Sở Tài chính, tổng số tiền là 55 triệu đồng; tiếp tục đôn đốc các phòng, đơn vị sử dụng điện tiết kiệm tại cơ quan. Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ khối Văn phòng Sở và các đơn vị thuộc Sở để thực hiện.

6. Kết quả thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số thành phần PCI cấp tỉnh về tiếp cận đất đai

Tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số thành phần PCI cấp tỉnh về tiếp cận đất đai, với các nhiệm vụ, cụ thể như phối hợp, tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đồng thời với việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn thời gian sử dụng đất cho 26 tổ chức/3.234,84 ha; đã cắt giảm được 01 thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận với thời gian 24 ngày. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung giải quyết các vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng và thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai; chủ động thông tin, trao đổi đề bàn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức, doanh nghiệp như: đăng ký nhu cầu sử dụng đất để lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất; giải quyết những vướng mắc trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư,... tiếp tục ủy quyền cho Văn phòng đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Quyết định số 14/QĐ-STNMT ngày 21/02/2022

7. Công tác quản lý đất đai

7.1. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Trong năm 2022, Sở đã chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2021-2025) tỉnh Lai Châu để báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2025; thường xuyên phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố rà soát, cập nhật các công trình, dự án để cập nhật vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình Hội đồng thẩm định Trung ương thẩm định.

Trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của cấp huyện; dự kiến phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất, làm căn cứ cho UBND các huyện, thành phố lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh chấp thuận bổ sung: 119 công trình, dự án phải thu hồi đất, diện tích 810,24ha; 88 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích 134,13 ha phát sinh năm 2022 và đã triển khai công tác lập kế hoạch sử dụng đất, tổng hợp danh mục dự án, công trình phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

7.2. Thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Tham mưu cấp thẩm quyền thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cho các tổ chức trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích là 4.603,72 ha⁸; chuyển hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất cho 01 tổ chức, diện tích 0,17 ha. Chấp thuận cho 18 Nhà đầu tư được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện 22 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

7.3. Đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận

Trong năm 2022, Sở đã thẩm định, trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận cho 26 tổ chức để thực hiện 34 dự án đầu tư/2.277,31 ha; thường xuyên bố trí công chức chuyên môn phối hợp thực hiện rà soát, lập phương án sử dụng đất của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tân Uyên để làm cơ sở điều chỉnh diện tích đất lâm nghiệp đã giao, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tân Uyên, từng bước hạn chế được sự chồng lấn giữa các chủ sử dụng đất, đến nay đã tổ chức thẩm định và Ban quản lý rừng đang hoàn thiện hồ sơ để gửi Sở, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Năm 2022, tham mưu cấp có thẩm quyền cấp 4.316 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) cho các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân với diện tích 1.594,7 ha, trong đó cấp mới 734 giấy/224,67 ha; cấp đổi, cấp lại 3.582 giấy/1.370,03 ha (cấp đổi, cấp lại 1.571 giấy/960,32 ha; Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện nhiệm vụ ủy

⁸ Cấp tỉnh: Cho 32 tổ chức thuê đất/2.287,82 ha; Giao đất cho 11 tổ chức/2,57 ha; Thu hồi đất của 47 tổ chức/2.253,81; Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 17 tổ chức/32,62 ha. Cấp huyện: Thu hồi đất 26,4 ha; Chuyển mục đích sử dụng đất 0,52 ha.

quyền theo Quyết định số 14/QĐ-STNMT ngày 21/02/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường ký 2.011 giấy/409,71 ha; đăng ký giao dịch bảo đảm 6.324 lượt trong đó: trong đó hồ sơ thế chấp 4.227 lượt, xóa thế chấp 2076 lượt, thay đổi nội dung thế chấp 20 lượt, xử lý tài sản thế chấp 01; đăng ký biến động về sử dụng đất 6.200 hồ sơ; thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động 20.049 thửa đất của 15.047 hồ sơ; cung cấp thông tin cho 80 lượt người đến tra cứu, chủ yếu phục vụ mục đích quản lý nhà nước về đất đai, trích lục phân chia di sản thừa kế; đưa 1.699 hồ sơ quét lên hệ thống quản lý đất đai Vilis; scan 3.634 hồ sơ, bản đồ để cập nhật, lưu trữ dữ liệu đất đai; nâng cấp và phát triển hoạt động trang tin điện tử của Sở.

7.4. Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai

Tiếp tục vận hành cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lai Châu, huyện Sìn Hồ, Phong Thổ và đơn đốc thực hiện Xây dựng CSDL quản lý đất đai huyện Than Uyên; đơn đốc thực hiện đo đạc địa chính các xã huyện Tân Uyên; hoàn thiện hồ sơ dự án đo đạc, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Tam Đường, huyện Mường Tè; hoàn thiện hồ sơ Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, Ban quản lý và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

7.5. Định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất

Kịp thời tham mưu UBND tỉnh công bố công khai điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh đảm bảo theo quy định; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Lai Châu cung cấp thông tin cá nhân, tổ chức tham gia và trúng đấu giá quyền sử dụng đất giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; đề xuất Sở Tài chính thẩm định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho 275 thửa đất trên địa bàn tỉnh (*thành phố Lai Châu: 51 thửa, huyện Mường Tè: 49 thửa; huyện Than Uyên: 39 thửa; huyện Phong Thổ: 34 thửa; huyện Nậm Nhùn: 16 thửa; huyện Sìn Hồ: 57 thửa; huyện Tân Uyên: 24 thửa, huyện Tam Đường 05 thửa*).

Bên cạnh đó, đã chủ động tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt ủy quyền xây dựng, thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

7.6. Kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Trong năm 2022, Sở đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn. Đồng thời, tham gia ý kiến đối với Kế hoạch tái định cư cập nhật (uRP) và Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số cập nhật (uEMDP) đối với gói thầu XL-05 thuộc dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc. Kịp thời trình

UBND tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp để thực hiện dự án Khu đô thị thiên đường mắc ca tỉnh Lai Châu.

7.7. Công tác quản lý đo đạc, bản đồ và viễn thám

Trình nghiệm thu 01 công trình⁹, thẩm định ký xác nhận 65 sản phẩm đo đạc bản đồ, thẩm định 81 thiết kế kỹ thuật - dự toán dự án đo đạc phục vụ công tác lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn các huyện, 08 phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập công trình thủy điện và chấp thuận cho phép 04 tổ chức¹⁰ hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh; trả lại 08 sản phẩm (*do chưa đảm bảo về khối lượng, chất lượng*); trình UBND tỉnh phê duyệt 13 thiết kế kỹ thuật - dự toán; đồng thời, đề nghị Cục đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đối với 01 tổ chức (*Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Nông nghiệp Lai Châu*); thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức được cấp giấy phép đối với 01 tổ chức (*Công ty TNHH MTV Đức Thịnh*). Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác rà soát tổng thể việc chồng lấn đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu¹¹, ban hành văn bản đề nghị các Sở ngành và UBND huyện Tam Đường tham gia ý kiến đối với dự án “Đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Tam Đường”. Phối hợp với Sở Ngoại vụ thực hiện việc khảo sát, đo đạc, xác định phạm vi và cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới và vùng cấm các huyện biên giới.

Chỉ đạo Ban kiêm nhiệm quản lý các chương trình, dự án của Sở kiểm tra, giám sát công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Than Uyên; hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt gia hạn thời gian Thiết kế kỹ thuật - dự toán: Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Tân Uyên.

9. Quản lý tài nguyên nước

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1000/KH-UBND ngày 31/3/2022 về Điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh; Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình thực hiện Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; kết quả hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới; tình hình sử

⁹ Gói thầu số 2 công đoạn lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản một số xã, thị trấn trên địa bàn huyện Than Uyên.

¹⁰ Công ty cổ phần Công nghệ bản đồ và Hệ thống tin địa lý; Công ty TNHH Đo đạc bản đồ địa chính và Dịch vụ đất đai; Công ty TNHH tư vấn xây dựng đầu thầu Giang Thành; Công ty TNHH Tư vấn TN&MT Thành Công.

¹¹ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác rà soát tổng thể việc chồng lấn đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

dụng nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tham gia ý kiến đối với 09¹² hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt công trình thủy điện thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 06¹³ dự thảo phương án bảo vệ đập, hồ chứa công trình thủy điện, 11¹⁴ quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;

Phối hợp Sở Công thương tổ chức thực hiện Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh về thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn các công trình đập, hồ chứa đối với 33 công trình thủy điện đã đi vào vận hành trên địa bàn tỉnh.

10. Quản lý khoáng sản

Tham mưu UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 20/7/2022 về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổ chức thực hiện các nội dung kiến nghị của Kiểm toán khu vực 7 và Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy thực hiện kiểm toán, kiểm tra chuyên đề khoáng sản giai đoạn 2011-2022; Rà soát, kiểm tra, xác định cơ sở pháp lý về tính giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước và các nội dung khác liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 07 mỏ khoáng sản làm VLXDTT đợt 1 năm 2022 (2 lần); phê duyệt bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 08 điểm mỏ; điều chỉnh số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 05 điểm mỏ; lựa chọn nhà thầu-điều tra, đánh giá lập hồ sơ địa chất thuộc nhiệm vụ đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm VLXDTT năm 2022; giải quyết khó khăn vướng mắc của của Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu – Vimico, Ban quản lý dự án của Bộ Giao thông vận tải trong thực hiện quy định của pháp luật về khoáng sản.

11. Công tác quản lý môi trường

** Quản lý về môi trường*

Trình UBND tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 23 văn bản: Quyết định ban hành kế hoạch quan trắc môi trường tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và 03 năm 2023-2025 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Lai Châu; Kết quả tính toán Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Lai Châu năm 2021; Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2021; Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; ban hành Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục

¹² Thủy điện: Hồ Mít, Mường Mít, Nậm Chán, Nậm Lũng, Nậm Lăn, Nậm Cát, Nậm Cầu 1, Nậm Cùm 5, Nậm Mít Luông.

¹³ Thủy điện: Nậm Ngệ 1A, Nậm So 1, Mường Mít, Pắc Ma, Nậm Cuối, Pa Hạ.

¹⁴ Thủy điện: Nậm Na 3, Nậm Na 2, Mường Mít, Nậm Ngệ 1A, Nậm Cuối, Nậm Lăn, Nậm Ban 2; Nậm Cát; Mường Kim II, Nậm Thi 2, Hua Chăng.

hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; Báo cáo cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia năm 2022 về môi trường nông thôn; Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh;

Tiếp nhận và giải quyết 31 lượt hồ sơ (22 dự án) trong đó: Đã trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 12 dự án¹⁵; Rà soát, trả lại hồ sơ và hướng dẫn thủ tục môi trường đối với Thủy điện Po Chà nộp lại sau khi họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tổ chức đi kiểm tra thực tế và ra thông báo hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án: Trang trại chăn nuôi heo thương phẩm kết hợp thủy sản và trồng cây nông nghiệp; Thẩm định sơ bộ và trả lại hồ sơ báo cáo ĐTM 05 dự án¹⁶; Thẩm định sơ bộ và trả lại hồ sơ Giấy phép môi trường 02 dự án⁽¹⁷⁾; Trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây mới, nâng cấp 03 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Lai Châu; Tham gia ý kiến chấp thuận Thủy điện Nậm Xí Lùng 2 theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường; tham gia hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM 06 dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức; tham gia tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường 05 dự án; tham mưu thẩm định báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

** Quan trắc về môi trường*

Bàn giao sản phẩm quan trắc môi trường tỉnh Lai Châu trên địa bàn tỉnh năm 2021; Triển khai nhiệm vụ Quan trắc môi trường tỉnh Lai Châu năm 2022, đồng thời tổ chức thực hiện lấy mẫu, quan trắc đợt 1, đợt 2 theo Kế hoạch. Thực hiện quan trắc lấy mẫu, phân tích mẫu hoàn thiện kết quả phân tích cho các dự án dịch vụ môi trường quý 1, quý 2, quý 3 năm 2022 theo kế hoạch; Tư vấn và phát triển đa dạng loại hình tư vấn dịch vụ về tài nguyên và môi trường. Thực hiện lấy mẫu, phân tích kiểm chứng các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

¹⁵Thủy điện Nậm Cùm 6; Thủy điện Hua Be; Khu du lịch sinh thái đỉnh đèo Hoàng Liên, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường; Thủy điện Nậm Cầu Thượng; Thủy điện Nậm Chân 1; thủy điện Chu Va 2A; Thủy điện Nậm Pục; Thủy điện Phiêng Khon; Thủy điện Tả Páo Hồ 2; Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè; Thủy điện Nậm Cuối 1A; Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông km74+600; km75+100/QL.4D, tỉnh Lai Châu.

¹⁶ Trang trại chăn nuôi lợn xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên; Khu đô thị thiên đường Mắc Ca; Nâng cấp tuyến đường từ đồn biên phòng Hua Bum ra khu vực mốc 52 huyện Nậm Nhùn, đường ra biên giới đoạn từ bản Tá Pạ - khu vực mốc 34 huyện Mường Tè; Khu đô thị mới thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên; Khai thác mỏ cát, sỏi tại khu vực lòng hồ thủy điện Huội Quảng, thuộc địa bàn xã Khoen On, huyện Than Uyên

¹⁷ Thủy điện Hua Bun, huyện Nậm Nhùn; Trang trại chăn nuôi lợn xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên; Trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây mới, nâng cấp 03 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Lai Châu

có yếu tố nhạy cảm; hộ trợ UBND huyện Tam Đường lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải của các cơ sở sản xuất miền đông

12. Khí tượng thủy văn, Biến đổi khí hậu

Xây dựng, trình Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh ban hành kế hoạch số 341-KH/BCSĐ ngày 02/8/2022 thực hiện Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 23/11/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ban hành công văn phát động Cuộc thi “Khí tượng thủy văn trong em” do Tổng cục Khí tượng thủy văn - Bộ TN&MT tổ chức, kết quả có 01 học sinh trên địa bàn tỉnh Lai Châu đạt giải khuyến khích; Báo cáo kết quả công tác phòng, chống thiên tai và chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai; đôn đốc các công trình, Chủ công trình tổ chức quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn và cung cấp danh mục các công trình, chủ công trình phải quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; Đăng tải bản tin dự báo thủy văn hạn ngắn, hạn vừa trên các lưu vực sông thuộc tỉnh Lai Châu lên Trang thông tin điện tử của Sở. Gửi kịch bản Biến đổi khí hậu cập nhật năm 2020 và Báo cáo đánh giá khí hậu Quốc gia (chuyển đến các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh); Tham gia ý kiến dự thảo Kế hoạch hành động quốc gia tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Yêu cầu các đơn vị thực hiện quan trắc KTTV chuyên dùng, cung cấp thông tin dữ liệu của các công trình KTTV chuyên dùng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt nổi bật

Trong năm 2022, Lãnh đạo Sở đã tập trung chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn, tích cực thực hiện nhiệm vụ quản lý toàn diện về tài nguyên môi trường của ngành; tập trung tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý về tài nguyên môi trường ở địa phương; chủ động phối hợp các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2021 -2025) tỉnh Lai Châu để báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tích cực phối hợp quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các Nhà đầu tư và thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện TTHC của từng công chức, viên chức đảm bảo chất lượng; quan tâm chất lượng thẩm định hồ sơ đất đai, hồ sơ cấp phép tài nguyên nước, khoáng sản, công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện giải quyết TTHC đúng hạn, trước hạn đạt trên 99,89%, đề xuất quy trình nội bộ, cắt giảm 35,00% thời gian giải quyết thủ tục hành chính của ngành; chủ động thanh tra, kiểm tra thực hiện có trọng tâm, trọng điểm đã từng bước nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật về tài nguyên môi trường của người dân, các tổ chức; tăng cường tham mưu và chủ động phân cấp, phân quyền để chủ động thực hiện.

Lãnh đạo Sở luôn bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ do UBND tỉnh giao để chỉ đạo các phòng, chuyên môn triển khai thực hiện. Cán bộ, công chức, viên chức của ngành được sắp xếp, kiện toàn có trình độ, năng lực, năng động nhiệt tình, trách nhiệm với công việc, có tinh thần đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Sự phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố được tăng cường nên công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường ngày càng chặt chẽ.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

a) Hạn chế, yếu kém

- Việc giải quyết các thủ tục giao đất, thu hồi đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của một số dự án có hồ sơ còn chậm.

- Công tác kiểm tra chấp hành thủ tục đất đai có nơi còn hạn chế, thủ tục giấy tờ quyền sử dụng đất còn chồng lán; việc kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa được thường xuyên.

- Chỉ đạo công tác kiểm tra về lĩnh vực khoáng sản, môi trường ở một số địa phương hiệu quả có mặt chưa cao. *(hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tại các khu vực về cơ bản được ngăn chặn, nhưng tình trạng khai thác nhỏ lẻ vẫn xảy ra tại một số địa bàn).*

b) Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

- Nhận thức các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân còn hạn chế, đặc biệt là về lĩnh vực đất đai; các chế độ chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa đồng bộ, nhất là quy định thỏa thuận không có mức trần; hồ sơ địa chính tại một số địa phương chưa đầy đủ, thiếu chính xác, chồng chéo giữa các loại giấy tờ; việc cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính sau đo đạc, cấp giấy chứng nhận chưa được các cấp thực hiện đồng bộ, kịp thời; nhiều thôn bản chưa đo đạc địa chính, dẫn đến hồ sơ quản lý đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chất lượng thấp.

- Các văn bản trong lĩnh vực quản lý đất đai của Trung ương thường xuyên có sự thay đổi, một số văn bản hướng dẫn còn chậm được ban hành. Còn có sự chưa thống nhất giữa các văn bản Luật, văn bản dưới Luật của ngành với các Luật, văn bản dưới Luật khác (Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch...)

- Một số phòng, ban cấp Sở, cấp huyện, địa phương cấp xã chưa thực sự quan tâm, quyết liệt trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường, chưa chủ động, kịp thời nắm bắt thông tin nhất là tình trạng khai thác khoáng sản trái phép có lúc còn chờ cấp trên xử lý, giải quyết; một số địa phương chưa thật sự quan tâm, kiên quyết, chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số tổ chức, doanh nghiệp có thời điểm chưa nghiêm, chưa thực hiện các biện pháp cần thiết về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành có lĩnh vực, bộ phận còn hạn chế về năng lực, kinh nghiệm; quy định vị trí việc làm công chức tài nguyên môi trường cấp xã còn bất cập.

- Một số hồ sơ đất đai phức tạp đòi hỏi cần phải thu thập nhiều tài liệu, dữ liệu liên quan; biên chế nhất là công chức Tài nguyên, môi trường cấp xã, một số phòng TNMT một số huyện chưa đảm bảo, thường xuyên biến động; việc giải quyết đơn hồ sơ đất đai thường chuyển qua nhiều thời kỳ với các quy định khác nhau làm khó khăn trong quá trình giải quyết.

IV. KẾ HOẠCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Mục tiêu chung

Tập trung tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách về tài nguyên môi trường; chủ động quán triệt, tuyên truyền các quy định của pháp luật, các văn bản dưới Luật; tiếp tục quan tâm xây dựng củng cố kiện toàn các Phòng, đơn vị trực thuộc vững mạnh toàn diện; tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, tổ chức bên trong các phòng, đơn vị, rà soát chức năng, nhiệm vụ các phòng, đơn vị để bỏ các nhiệm vụ chồng chéo, nội dung trùng lặp; xây dựng đội ngũ công chức, viên chức trong sạch, nề nếp; tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo, nâng cao năng lực, tinh thần tâm huyết, trách nhiệm, tính phục vụ của công chức, viên chức ở các cấp.

Tập trung bám sát để chỉ đạo đạo, tổ chức, thực hiện đảm bảo hoàn thành toàn diện nhiệm vụ ngành; thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giải quyết thủ tục về giao đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư; tăng cường, quan tâm công tác đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; kịp thời cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý đất đai. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, trên địa bàn tỉnh; khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống ô nhiễm môi trường; bảo đảm an ninh nguồn nước, giám sát chặt chẽ việc duy trì dòng chảy tối thiểu đối với các công trình, dự án sử dụng nước trên các lưu vực sông, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi làm suy thoái, cạn kiệt tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản. Nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân đối với công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các thủ tục đất đai, tài nguyên thiên nhiên, môi trường; ưu tiên giải quyết các tồn tại kéo dài và các vướng mắc của người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực

cạnh tranh cấp tỉnh, trọng tâm là chỉ số tiếp cận đất đai, quản lý bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu; chú trọng công tác thanh tra kiểm tra; giải quyết kịp thời, dứt điểm các phản ánh, đơn kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc phức tạp, kéo dài lĩnh vực: quản lý đất đai, quản lý khoáng sản, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên môi trường.

1.2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu năm 2023

- *Chỉ tiêu 1:* Giải quyết cơ bản hồ sơ đất chồng lấn với đất tổ chức; tăng cường hướng dẫn giải quyết đất chồng lấn hộ gia đình, cá nhân.

- *Chỉ tiêu 02:* Cấp 95% giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu.

- *Chỉ tiêu 03:* Tỷ lệ cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (ở đô thị và nông thôn) được thu gom và xử lý đạt trên 67,9%; Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 98,1%.

- *Chỉ tiêu 04:* Tăng hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung cấp nước sạch bền vững. Bảo đảm việc khai thác nước không vượt quá ngưỡng giới hạn khai thác đối với các sông, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với các tầng chứa nước.

- *Chỉ tiêu 05:* Xây dựng và tổ chức thực hiện hoàn thành 100% các cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được phê duyệt; thực hiện kịp thời các cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu quản lý.

- *Chỉ tiêu 6:* 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được công bố, công khai và cập nhật kịp thời; cơ chế một cửa liên thông được triển khai đồng bộ thống nhất, chất lượng, hiệu quả; đảm bảo sự hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 95,5%.

2. Nhiệm vụ định hướng thực hiện kế hoạch Ngành TNMT năm 2023

a) Xây dựng thể chế, chính sách về tài nguyên và môi trường

- Tiếp tục tham mưu xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách trong quản lý khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và môi trường tại địa phương. Triển khai thực hiện toàn diện các văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong quản lý để xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu về quản lý đất đai, khoáng sản, nước, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thường xuyên rà soát, sửa đổi bộ thủ tục hành chính của ngành để phù hợp với quy định của Bộ

Tài nguyên và Môi trường và tình hình thực tế của địa phương.

- Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2023. Tăng cường kiểm soát giải quyết thủ tục hành chính; tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Sở. Áp dụng và tiếp tục triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001- 2015 trong hoạt động của của các phòng, đơn vị thuộc Sở.

b) Công tác tổ chức, CCHC

- Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức của ngành; thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển cán bộ công chức, viên chức theo quy định; kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý ở các phòng, đơn vị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, kịp thời xử lý nghiêm những tập thể cá nhân có vi phạm trong thực thi công vụ, đổi mới phương thức, lề lối làm việc của các phòng, đơn vị.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023; tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; Tập trung tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của ngành phù hợp với đối tượng, nguồn lực.

c) Công tác Quản lý đất đai

- Tiếp tục chỉ đạo phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2021-2025) tỉnh Lai Châu, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ động tham mưu cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đảm bảo theo quy định.

- Phối hợp với các huyện, thành phố tổng hợp danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyên mục đích sử dụng đất phát sinh trong năm năm 2023 và các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyên mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện đã được phê duyệt.

- Nâng cao chất lượng, trách nhiệm trong công tác thẩm định hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận của các tổ chức có nhu cầu.

- Kiểm tra việc sử dụng đất của các tổ chức được giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức xác định giá đất cụ thể, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo đúng thẩm quyền.

- Tổ chức thẩm định phương án đấu giá quyền sử dụng đất và phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán công tác đo đạc địa chính và công tác kiểm tra sản phẩm đo đạc bản đồ phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đảm bảo theo thẩm quyền.

- Hoàn thành xây dựng CSDL quản lý đất đai huyện Than Uyên; hoàn thành công tác đo đạc bản đồ địa chính tại huyện Tân Uyên, đồng thời thực hiện cấp giấy chứng nhận đối với các diện tích đã đo đạc địa chính huyện Tân Uyên; Tập trung đo đạc tại huyện Tam Đường, các xã nội địa huyện Mường Tè, chuẩn bị đầu tư đo đạc cấp giấy chứng nhận, xây dựng CSDL đất đai huyện Nậm Nhùn; Chủ động đề xuất thực hiện đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông lâm trường.

d) Quản lý khoáng sản, tài nguyên nước

- Phối hợp tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tiếp tục tham mưu thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết số 10-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị; Chương trình hành động của Tỉnh ủy về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Rà soát các điểm mở đủ điều kiện đề nghị UBND tỉnh đưa vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Đồng thời phối hợp với đơn vị tổ chức đấu giá thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các điểm mỏ đã được UBND tỉnh đưa vào Kế hoạch đấu giá.

- Rà soát, tham mưu sửa đổi bổ sung bộ TTHC về lĩnh vực khoáng sản, tài nguyên nước để phù hợp với quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính theo cấp độ 3, 4.

- Phối hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác có phép và trái phép trên địa bàn tỉnh xử lý nghiêm các vi phạm.

- Tiếp tục thẩm định và trình cấp có thẩm quyền cấp phép, phê duyệt các hồ sơ hoạt động khoáng sản theo quy định.

- Triển khai Dự án xây dựng lắp đặt thiết bị thu nhận, lưu trữ dữ liệu và phần mềm quản lý, xử lý dữ liệu khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước chính, quan trọng trên địa bàn tỉnh (sau khi được UBND tỉnh phê duyệt dự án).

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng nước của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

- Thẩm định các hồ sơ xin cấp phép khai thác, sử dụng nước.

e) Quản lý môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu

- Cập nhật những quy định, chính sách mới về công tác quản lý môi trường, đa dạng sinh học, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu để tham mưu thực hiện nhiệm vụ. rà soát, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy trình, quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tham mưu tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tuyên truyền nâng cao nhận thức chính sách, pháp luật về đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu tới các ngành, các cấp, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư và người dân.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; chất lượng công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo phục hồi môi trường; cấp Giấy phép môi trường.

- Thường xuyên theo dõi, phát hiện, tham mưu xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không để phát sinh cơ sở mới.

- Tham mưu xây dựng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh; ban hành kế hoạch quan trắc môi trường hàng năm và tổ chức thực hiện (khi được bố trí kinh phí thực hiện).

- Phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, hướng dẫn các tổ chức cá nhân chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bảo vệ môi trường khu dân cư đô thị, nông thôn, khai thác, chế biến khoáng sản, phát triển nông lâm nghiệp.

- Theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lai Châu theo Quy chế hoạt động của Quỹ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quan trắc môi trường trên địa bàn; tiếp nhận và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Bộ Tài nguyên môi trường (khi được trang bị hạ tầng kỹ thuật).

- Tiếp tục thực hiện chương trình, mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi

khí hậu tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 23/11/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phối hợp thu thập, quản lý, thống kê, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, tư liệu, cơ sở dữ liệu môi trường, đa dạng sinh học, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu cấp tỉnh và cung cấp dữ liệu về môi trường, đa dạng sinh học, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

f) Công tác thanh tra, kiểm tra

- Tổ chức thực hiện theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra được Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở phê duyệt;. Nội dung thanh tra kiểm tra năm 2023 tập trung Việc chấp hành quy định của pháp luật trong quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường (xây dựng nông thôn mới) đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND một số xã, phường, thị trấn; việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường và khí tượng thủy văn của một số dự án thủy điện, khai thác khoáng sản, sản xuất nguy cơ gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu giải quyết đơn của công dân, giải quyết tranh chấp đất đai do thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh giao; công tác phòng chống tham nhũng.

- Thực hiện theo dõi thi hành pháp luật và phổ biến pháp luật.

- Tập trung đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát;

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh kiến nghị về tài nguyên và môi trường và xử lý đơn. Không để xảy ra tình trạng xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh quá hạn. Tích cực phối hợp với cấp ủy Đảng, các cấp, các ngành trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; hạn chế các vụ việc kéo dài, vượt cấp.

- Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024 đảm bảo toàn diện, đồng bộ; chú trọng những nhiệm vụ tiềm ẩn, dễ sai phạm.

g) Công nghệ thông tin, tuyên truyền

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên và môi trường đến các tổ chức, cá nhân và người dân trên địa bàn tỉnh. Tập huấn, hướng dẫn, cập nhật kiến thức và chuyển giao công nghệ thông tin CSDL, các phần mềm ứng dụng chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức của ngành.

- Kế hoạch thực hiện phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 định hướng 2025.

- Tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ, phân loại, scan các tài liệu mới thu thập để đưa vào bảo quản và lưu trữ. Cung cấp thông tin tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác.

3. Giải pháp thực hiện

- Thường xuyên rà soát các kế hoạch, nhiệm vụ được giao, không để sót nhiệm vụ, lĩnh vực của ngành; sát sao, tập trung chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng có các mốc thời gian giải quyết, hoàn thành.

- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường. Nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng và yêu cầu của việc khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên tới cộng đồng.

- Tích cực nghiên cứu tham mưu bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật cấp tỉnh về cơ chế quản lý, sử dụng tài nguyên phù hợp với quy định, yêu cầu và bối cảnh mới.

- Tập trung chỉ đạo, điều hành, phân đầu hoàn thành các mục tiêu theo kế hoạch đề ra; Nâng cao chất lượng quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quản lý khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường; ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ theo hướng công nghệ số nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường.

- Thường xuyên rà soát để kịp thời nắm bắt tình hình khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn bằng nhiều nguồn thông tin để kịp thời xử lý hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc tăng cường trách nhiệm quản lý, bảo vệ khoáng sản, tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước.

- Tập trung phòng ngừa và kiểm soát các nguồn phát sinh gây ô nhiễm môi trường; nâng cao chất lượng thẩm định đánh giá tác động môi trường trong các dự án đầu tư phát triển; ngăn chặn đối với mọi hành vi làm suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật về môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch; nâng cao chất lượng tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo. Tăng cường công tác kiểm tra tình hình sử dụng đất đối với các tổ chức đã được giao đất, cho thuê đất.

- Tiếp tục rà soát củng cố hoạt động hành chính về tài nguyên môi trường theo hướng đơn giản, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Xây dựng đội ngũ cán bộ của ngành có phẩm chất, trình độ năng lực, tham mưu, thi hành công vụ, nâng cao kỹ năng hành chính, am hiểu pháp luật, chức năng tham mưu cơ chế quản lý, quan hệ phối hợp, kỹ năng xây dựng kế hoạch, thi hành công vụ, thanh tra kiểm tra; Nâng cao ý thức chất hành kỷ luật công vụ, văn hóa công sở; đổi mới phong cách làm việc của công chức, viên chức để phù hợp với yêu cầu công việc, phù hợp với thực tiễn đặt ra.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề giải quyết kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong thi hành chính sách, pháp luật tại địa phương. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu kiến nghị các cơ quan ở Trung ương xem xét tháo gỡ một số nội dung sau:

a) Về đất đai

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về đất đai; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị (thống nhất thời gian trong kỳ quy hoạch sử dụng đất với kỳ quy hoạch đô thị), Luật Đầu tư và Luật Đấu thầu nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ khi triển khai thực hiện.

- Sửa đổi Khoản 2, Điều 74 của Luật Đất đai để thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình, dự án. **Lý do:** Thời gian xác định giá đất là thời điểm “*quyết định thu hồi đất*” nhưng không xác định chính xác đó là thời điểm nào. Trong khi đó, từ thời điểm có thông báo thu hồi đất đến khi ban hành quyết định thu hồi đất là một khoảng thời gian dài (ít nhất là khoảng 3 tháng đối với đất nông nghiệp hoặc khoảng 6 tháng đối với phi nông nghiệp). Việc “*xác định giá đất cụ thể*” theo nguyên tắc “*phù hợp với thời giá thị trường*” “*tại thời điểm quyết định thu hồi đất*” là chưa phù hợp do thị trường luôn có sự khác biệt trong từng ngày, từng thời điểm.

- Sửa đổi Khoản 1, Điều 6 và Khoản 6, Điều 20 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để thống nhất việc nộp tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân. **Lý do:** Thực tế nhiều hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp tại “Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP” không chấp hành việc cấp giấy chứng nhận hoặc không đến nhận giấy chứng nhận.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và thống nhất với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04/4/2015. **Lý do:** Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT – BTNMT – BNV - BTC ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có quy định chức năng: “*Thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật*”. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nào về nguồn vốn thực hiện, cơ chế thực hiện. Do đó, chưa đủ cơ sở để thực hiện chức năng này.

- Xem xét sửa đổi, cho phép áp dụng tiếp hoặc bãi bỏ Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La. **Lý do:** Các căn cứ ban hành Quyết định đã hết hiệu lực thi hành (*Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006; Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ*); Chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện đã được Thủ tướng Chính phủ

quy định chi tiết tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014.

- Xem xét bãi bỏ nội dung quy định tại khoản 7 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. **Lý do:** Vì nội dung này trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013. Cụ thể theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013 thì việc chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm thuộc trường hợp phải xin phép cơ quan nhà nước. Mặt khác, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm rất khó đảm bảo giữ nguyên bề mặt, điều kiện phù hợp để trồng lúa trở lại; đồng thời, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về đất đai đối với trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

- Xem xét sửa đổi nội dung chưa thống nhất giữa quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điểm b khoản 2, Điều 60 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ. **Lý do:** Tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định cơ quan thuế xác định số tiền sử dụng đất phải nộp; tuy nhiên, tại điểm b khoản 2, Điều 60 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 quy định cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh tổ chức xác định tiền sử dụng đất.

b) Về khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010: Đất làm vật liệu san lấp là khoáng sản và trình tự để cấp phép khai thác đất làm vật liệu san lấp trải qua nhiều thủ tục như cấp phép khai thác các loại khoáng sản khác như: phải thuộc quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản; thực hiện đấu giá hoặc phê duyệt không đấu giá; cấp giấy phép thăm dò; phê duyệt trữ lượng; phê duyệt chủ trương đầu tư; đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép khai thác; thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy phép môi trường; cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác. Thời gian giải quyết các thủ tục nêu trên khoảng 2 năm trở lên.

Trong khi các công trình có nhu cầu sử dụng nhiều vật liệu san lấp là các công trình hạ tầng, giao thông chủ yếu là công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước được phê duyệt có thời gian thi công ngắn và các mỏ vật liệu san lấp mở ra chủ yếu để phục vụ các công trình này. Để thực hiện trình tự cấp phép khai thác mỏ vật liệu san lấp như nêu trên mất nhiều thời gian gây bất cập, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Do vậy đề nghị Quốc hội, Chính phủ có cơ chế, quy định riêng cho việc cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp phục vụ các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trong đó đơn giản, cắt giảm các trình tự thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ và các điều kiện, yêu cầu khi giải quyết cấp phép khai thác khoáng sản; bảo vệ môi trường; giao đất, cho thuê đất.

c) Về môi trường

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Tài chính để sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi

trường phù hợp với quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Trên đây là báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Mai Văn Thạch

Phụ lục 01: KẾT QUẢ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Nội dung	Tổng số hồ sơ	Hình thức tiếp nhận và giải quyết			Kết quả xử lý	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Thanh toán điện tử	Đúng hạn	Quá hạn
1	Lĩnh vực đất đai	18.710	18.660	50		99,95%	0,05%
2	Lĩnh vực khoáng sản	23	23			100%	
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	35	25	10		100%	
4	Lĩnh vực môi trường	52	52			100%	
Tổng số		18.820	18.758	60			

* Số liệu bao gồm cả cấp tỉnh và cấp huyện

Phụ lục 02: NGUỒN THU TỪ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện	
		Tổng thu (Tr đồng)	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN địa phương (%)
1	Lĩnh vực đất đai	121.715	6,15
2	Khoáng sản	8.700	0,44
3	Tài nguyên nước	330.817	16,73
4	Môi trường	78.975	3,95
	Tổng số	1.976.975	

Phụ lục 03: KẾT QUẢ CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA

STT	Nội dung	Số lượng (cuộc)	Kết quả giải quyết				
			Thu hồi giấy phép/thu hồi đất	Thu hồi tài sản, buộc khắc phục	Xử lý vi phạm	Xử lý trách nhiệm	Biện pháp xử khác
1	Kết quả công tác thanh tra (*)						
-	Lĩnh vực đất đai	2	0	0	0	0	Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong công tác quản lý
-	Khoáng sản	2	0	0	0	0	Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong công tác quản lý
-	Tài nguyên nước	0	0	0	0	0	
-	Môi trường	0	0	0	0	0	
2	Kết quả công tác kiểm tra (*)						
-	Lĩnh vực đất đai	36	0	0	1.639.360.883	0	
-	Khoáng sản	26	0	0	684.500.000	0	Cảnh cáo: 10 hành vi
-	Tài nguyên nước	1	0	0	20.000.000	0	
-	Môi trường	14	0	0	243.674.117	0	

* Số liệu bao gồm cả cấp tỉnh và cấp huyện

Phụ lục 04: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ, KHIẾU KIẾN

STT	Nội dung	Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2022		Số lượng đơn thư còn tồn đọng từ các năm trước	Tổng số đơn thư phải xử lý lũy kế đến 2022	Kết quả giải quyết		Số lượt tiếp công dân
		Số lượng	Đơn phải xử lý			Số lượng	Chuyển cấp có thẩm quyền	
1	Đất đai	94	94	0	94	62	39	32
2	Khoáng sản	08	08	0	08	3	01	2
3	Tài nguyên nước	01	01	0	01	1	0	0
4	Môi trường	05	05	0	05	0	0	2
	Tổng	108	108	0	108	68	40	34

* Số liệu bao gồm cả cấp tỉnh và cấp huyện

Phụ lục số 05: KẾT QUẢ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT, CẤP GCN

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)		
		Tổng	Sử dụng vào mục đích nông nghiệp	Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
I	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	4,55	-	4,55
II	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	-	-	4,741
III	Cho thuê đất	2,287.82	2,161.75	126.07
IV	Cho phép chuyển mục đích	32,61	-	34,66
1	Từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp	88,65	-	88,65
2	Đất trồng lúa	7,05	-	7,05
3	Đất rừng	50,92	-	50,92
	Rừng phòng hộ	14,61	-	14,61
	Rừng đặc dụng	-	-	-
4	Đất khác	10,95	-	10,95

* Số liệu bao gồm cả cấp tỉnh và cấp huyện

Phục lục 06: Kết quả cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

Diện tích: ha

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến thời điểm báo cáo 31/10/2022	Diện tích đã hoàn thành cấp giấy	Số giấy chứng nhận đã cấp	Trong đó: Cấp năm 2022	Số giấy chứng nhận cấp mới lần đầu	Ghi chú
		Diện tích cần phải cấp giấy			Diện tích cấp mới lần đầu		
1. Kết quả cấp giấy chứng nhận							
1	Nhóm đất nông nghiệp	345,197.31	324,426.60	122,907	217,87	271	
	Đất sản xuất nông nghiệp	103,918.04	97,478.44	93,763	158,42	165	
	Đất lâm nghiệp	240,973.57	226,748.82	28,638	57,62	95	
	Đất nuôi trồng thủy sản	305.70	199.34	506	1,83	11	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	9,186.11	8,910.57	68,159	6,75	463	
	Đất ở tại nông thôn	7,198.92	7,008.76	46,010	2,27	305	
	Đất ở tại đô thị	1,987.19	1,901.81	22,149	4,48	158	
	Đất chuyên dùng						
II. Kết quả xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai							
STT	Chỉ tiêu	Số huyện lũy kế tính đến thời điểm báo cáo năm 2022				Kết nối liên thông với Thuế và tổ chức tín dụng	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Đã kết nối với dữ liệu dân cư	Đã cung cấp dịch vụ công			
1	Số đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành và đưa vào vận hành	03 huyện	Thành phố, Sơn Hòa, Phong Thổ				

	Đã đưa vào khai thác trong quản lý và cung cấp dịch vụ công			07 huyện	07 huyện	
	Dự kiến hoàn thành trong năm 2022	03 huyện	Thành phố, Sơn Hòa, Phong Thổ			
2	Số đơn vị hành chính cấp huyện đang triển khai	01 huyện				

Phụ lục 09: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG CẤP TỈNH

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả
-----	--------	-------------	---------

			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Số đô thị (loại IV trở lên) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đô thị	0	
2	Số khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Khu	0	
3	Số nguồn thải có hệ thống quan trắc tự động liên tục	Cơ sở	01	100
	Trong đó, số KCN, KCX, KCNC có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Khu	0	
4	Cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung	Cụm	0	
5	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành xử lý triệt để	Cơ sở	0	
6	Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn			
6.1	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh	Tấn	38.787,34	
	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn	38.209,607	
	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học..	Tấn	0	
6.2	Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn	Tấn	-	
	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn	-	
	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học..	Tấn	-	
7	Số lượng và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên			
	Số lượng	Khu	0	
	Diện tích	Ha	0	